

Đánh giá chính sách tài chính và đầu tư cho năng lượng sạch của OECD tại VIỆT NAM

POLICY HIGHLIGHTS





Đánh giá chính sách Đầu tư và Tài chính cho Năng lượng sạch của Việt Nam

Báo cáo Đánh giá chính sách Đầu tư và Tài chính cho Năng lượng sạch của Việt Nam (bản “Đánh giá”) đưa ra cái nhìn tổng quan toàn diện về các biện pháp, chính sách và quy định chính tạo nên môi trường đầu tư và tài chính cho năng lượng sạch của Việt Nam.

Bản đánh giá đưa ra một số khuyến nghị thực tiễn có thể giúp Việt Nam mở rộng quy mô đầu tư trong nước và quốc tế vào năng lượng sạch, đồng thời nêu bật những thành công tại Việt Nam và các bài học kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.

Chương trình huy động đầu tư và tài chính cho năng lượng sạch



Chương trình huy động đầu tư và tài chính cho năng lượng sạch (CEFIM) của OECD hỗ trợ các quốc gia đang phát triển thu hút nguồn vốn đầu tư và tài chính cho phát triển năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng.

Nhờ sự hỗ trợ tài chính của Chính phủ Đan Mạch, chương trình hợp tác chặt chẽ với các nước đối tác nhằm tăng cường khung chính sách để góp phần xúc tiến đầu tư và tài chính của khu vực tư nhân vào năng lượng sạch.

Chương trình CEFIM phối hợp với Chính phủ Việt Nam thực hiện các hoạt động dựa trên sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan nhằm đạt được các mục tiêu phát triển năng lượng sạch của Việt Nam. Chương trình này bao gồm Đánh giá hoạt động đầu tư và tài chính cho Năng lượng Sạch, hỗ trợ triển khai, đối thoại với nhà đầu tư và trao đổi học hỏi lẫn nhau giữa các quốc gia trong khu vực. Chương trình CEFIM tại Việt Nam sẽ dựa trên các khuyến nghị của bản Đánh giá này để triển khai nhiều hoạt động tiếp theo nhằm hỗ trợ thực hiện các khuyến nghị.

Chính phủ Việt Nam được đánh giá cao nhờ vào các chính sách ưu tiên phát triển năng lượng sạch và gần đây đã có nhiều bước tiến, trở thành thị trường năng lượng tái tạo lớn nhất khu vực chỉ trong một vài năm. Các chính sách ưu đãi mạnh mẽ khiến ngành năng lượng mặt trời phát triển bùng nổ, đồng thời thu hút sự chú ý vào tiềm năng tài nguyên tái tạo dồi dào của đất nước.

Việt Nam phải giải quyết được những thách thức mới mang tính trọng yếu trong những năm tới, bao gồm việc vừa tích hợp thành công tỷ trọng cao hơn nguồn năng lượng tái tạo biến thiên trong hệ thống; đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư; đảm bảo tiếp tục giảm chi phí; vừa duy trì môi trường đầu tư ổn định trong quá trình chuyển đổi các chính sách hỗ trợ của chính phủ. Theo dự thảo Quy hoạch Điện VIII, lượng công suất bổ sung từ năng lượng tái tạo vào lưới điện hàng năm sẽ giảm dần theo lộ trình tới năm 2030. Dù sự suy giảm tốc độ phát triển thị trường đã nằm trong dự tính, quy mô điều chỉnh công suất bổ sung theo bản dự thảo này vẫn sẽ gây ngưng trệ chuỗi cung ứng, giảm lượng việc làm xanh và giảm niềm tin của nhà đầu tư. Những rủi ro về giá nhiên liệu khí nhập khẩu ngày càng tăng, rủi ro triển khai khi môi trường tài chính cho nhiên liệu hóa thạch ngày càng thắt chặt, và khả năng chậm trễ trong triển khai dự án điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) sẽ là những nguy cơ mới về an ninh năng lượng. Mặc dù có tiềm năng kinh tế to lớn song thị trường đầu tư vào hiệu quả năng lượng hầu như chưa được khai thác, cần có các chính sách ưu đãi, các quy định và mô hình kinh doanh mới, mạnh mẽ hơn để thúc đẩy thị trường.

Trong bối cảnh ngày càng có nhiều quốc gia và doanh nghiệp đưa ra các cam kết hành động mạnh mẽ hơn vì khí hậu và phát triển bền vững, Việt Nam sẽ cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình chuyển dịch năng lượng sạch nếu muốn duy trì vị trí hiện tại là điểm đến hàng đầu cho hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài.

CÁC KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

TRONG NGẮN HẠN, CHÍNH PHỦ CÓ THỂ:

- Tăng cường và mở rộng các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng tối thiểu, dán nhãn năng lượng để loại bỏ các sản phẩm không hiệu quả và thúc đẩy chuyển đổi thị trường.
- Xóa bỏ những bất cập trong quy định pháp luật để xây dựng niềm tin cho thị trường đối với hợp đồng hiệu suất năng lượng.
- Tinh gọn các quy trình phê duyệt và cấp phép cho dự án để giảm chi phí hành chính và đẩy nhanh tiến độ phát triển dự án năng lượng tái tạo. Điều này có thể thực hiện bằng cách thiết lập một cơ quan đầu mối (hoặc đơn vị "một cửa") làm đầu mối liên hệ duy nhất với các đơn vị phát triển dự án.
- Ưu tiên thiết lập khung pháp lý hiệu quả cho các doanh nghiệp để bắt kịp xu hướng toàn cầu về phi carbon hóa chuỗi cung ứng và đưa ra các phương hướng tiếp cận thị trường mới cho điện tái tạo.
- Đề ra khung pháp lý rõ ràng cho thị trường trái phiếu xanh bao gồm các điều kiện hợp lệ, các giao thức báo cáo và quy trình kiểm tra. Hỗ trợ các tổ chức phát hành cấp trung ương, cấp địa phương và các tổ chức phát hành doanh nghiệp triển khai các đợt phát hành trái phiếu xanh.
- Bắt đầu lập kế hoạch và triển khai khung hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp nội địa tái chế tấm quang điện dựa trên kinh nghiệm của các thị trường đã phát triển mạnh nguồn năng lượng mặt trời.

TRONG TRUNG VÀ DÀI HẠN, CHÍNH PHỦ CÓ THỂ:

- Xây dựng lộ trình hướng đến cơ cấu biểu giá điện được tính toán đầy đủ các chi phí, từ đó cung cấp cho người tiêu dùng cái nhìn tổng quan và dài hạn, đủ để thích ứng với việc tăng giá điện, đồng thời khuyến khích đầu tư vào các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Thành lập một cơ quan tập trung, một dạng của mô hình Siêu công ty dịch vụ năng lượng (Super ESCO) có nhiệm vụ hỗ trợ chính quyền cấp tỉnh xây dựng, đấu thầu mua sắm, tài chính, giám sát các chương trình về hiệu quả năng lượng công cộng và hỗ trợ phát triển các công ty dịch vụ năng lượng (ESCO) tư nhân.
- Tăng tần suất sửa đổi và cập nhật Quy hoạch phát triển điện lực (QHĐ) để xây dựng lộ trình phát triển hệ thống năng lượng tối ưu về chi phí.
- Nâng cao tính độc lập của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (NLDC) và Cục Điều tiết Điện lực (ERAV) để việc ra quyết định được công bằng, khách quan và không bị can thiệp về mặt chính trị đối với tất cả các đơn vị tham gia thị trường.
- Làm rõ thời gian áp dụng cơ chế đấu thầu năng lượng tái tạo (NLTT), tạo niềm tin thị trường trong trung và dài hạn. Điều này đặc biệt quan trọng đối với điện gió ngoài khơi khi đang bắt đầu hình thành xây dựng chuỗi cung ứng.
- Cải thiện mức độ sẵn có của dữ liệu về đầu tư và tài chính trong lĩnh vực năng lượng sạch để tăng tính minh bạch và tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường.

CƠ HỘI TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN BAO GỒM:

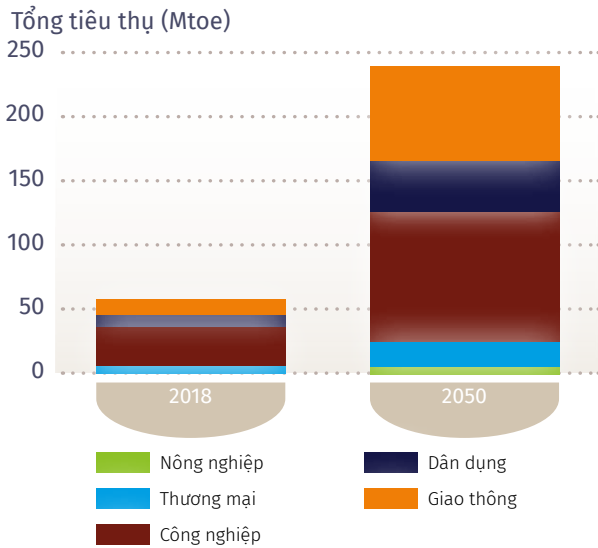
- Tăng cường hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách thiết kế và thực thi chính sách tạo điều kiện cho việc tích hợp năng lượng tái tạo biến thiên, thiết kế cơ chế đấu thầu năng lượng tái tạo, tăng cường quy định về hiệu quả năng lượng và hỗ trợ phát triển thị trường vốn trong nước để cung cấp các sản phẩm tài chính xanh.
- Hỗ trợ nâng cao năng lực trong lĩnh vực ngân hàng để xây dựng, tích hợp các yêu cầu về môi trường, xã hội và cơ chế huy động vốn dự án miễn truy đòi.
- Xây dựng các chương trình cho vay lại hoặc các cơ chế huy động vốn để hỗ trợ các tổ chức tài chính trong nước tiếp cận nguồn vốn dài hạn và có chi phí thấp từ các ngân hàng phát triển đa phương và song phương.
- Cải thiện mức độ công khai dữ liệu về đầu tư và tài chính trong lĩnh vực năng lượng sạch. Điều này sẽ giúp xác định những vấn đề bất cập về huy động vốn, theo dõi các dòng tài chính cho khí hậu, cũng như tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư và giảm bớt rủi ro, qua đó có thể giảm được chi phí dự án.



Tốc độ triển khai điện mặt trời gần đây cùng với tình trạng gián đoạn nhu cầu điện do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã gây ra những khó khăn trong tích hợp hệ thống điện và gia tăng mức độ bất trắc về tính bền vững của tình hình tăng trưởng thị trường năng lượng tái tạo hiện nay. Dù vậy, nhu cầu năng lượng của Việt Nam vẫn sẽ tăng nhanh chóng khi nền kinh tế hậu đại dịch dần lấy lại đà tăng trưởng. Các thị trường hiệu quả năng lượng vẫn trong giai đoạn sơ khai, nhưng là một phương án tiết kiệm chi phí để tăng cường an ninh năng lượng, thay thế cho những khoản đầu tư tốn kém vào phía cung của hệ thống năng lượng.

NHỮNG XU HƯỚNG CHÍNH TRONG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH CHO NĂNG LƯỢNG SẠCH

HÌNH 1
—
Ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn về nhu cầu năng lượng



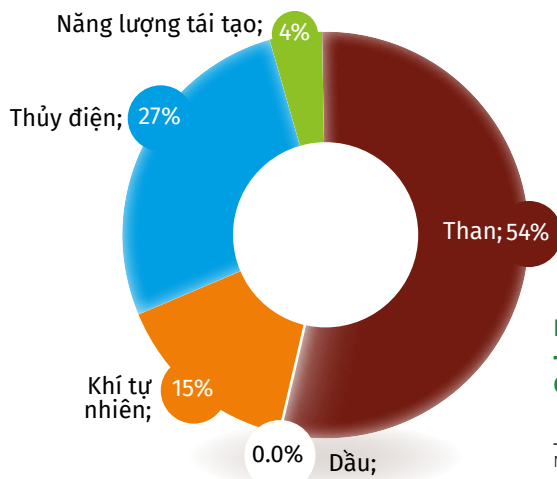
Ghi chú: dự báo theo kịch bản cơ sở BAU. Mtoe = triệu tấn dầu tương đương
 Nguồn: Báo cáo cung cầu năng lượng thế giới của IEA; Báo cáo Triển vọng Năng lượng Việt Nam của EREA & DEA (2019)

QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA ĐÃ ĐẨY NHANH TĂNG TRƯỞNG NHU CẦU NĂNG LƯỢNG

- Nhu cầu sử dụng điện đang tăng lên, với tỷ trọng tăng gần gấp đôi trong tổng nhu cầu năng lượng giai đoạn 2010-2018.
- Việt Nam là một trong những quốc gia có mức tiêu hao năng lượng cao hàng đầu thế giới trong phát triển kinh tế. Lĩnh vực công nghiệp chiếm hơn một nửa nhu cầu năng lượng trong năm 2018, và đã tăng gấp hơn bốn lần kể từ năm 2000.
- Tổng nhu cầu năng lượng dự kiến sẽ tăng gấp hơn bốn lần vào năm 2050.

NHIÊN LIỆU HÓA THẠCH VẪN CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN TRONG CƠ CẤU NGUỒN NĂNG LƯỢNG

- Trước đây, thủy điện là nguồn phát điện chủ yếu trong cơ cấu nguồn năng lượng của Việt Nam, nhưng khi những nguồn có chi phí thấp đã được khai thác tối đa, nhiên liệu hóa thạch dần đóng vai trò lớn hơn. Năm 2020, nhiên liệu hóa thạch đóng góp hơn 2/3 sản lượng điện.
- Năng lượng tái tạo đã được ưu tiên và trong những năm gần đây và Việt Nam đã trở thành thị trường điện mặt trời hàng đầu khu vực với công suất lắp đặt 17 GW tính đến cuối năm 2020. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn cần có những chính sách ưu tiên đảm bảo thị trường phát triển bền vững, đồng thời tích hợp tỷ trọng năng lượng tái tạo biến thiên ngày càng cao hơn.



HÌNH 2
—
Cơ cấu sản lượng điện Việt Nam 2020

Nguồn: EVN



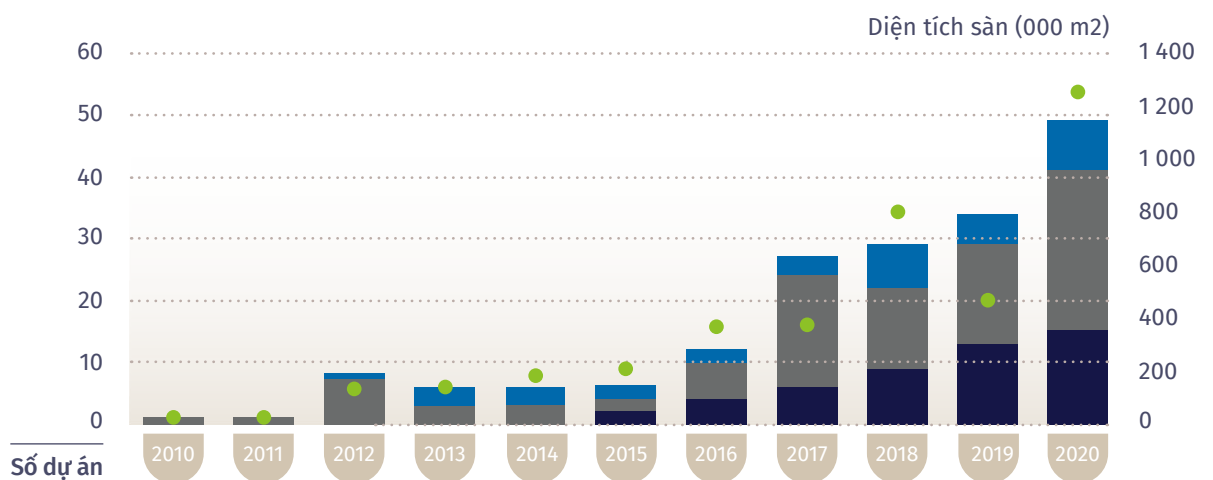
ĐẦU TƯ VÀO NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO BÙNG NỔ NHƯNG LĨNH VỰC HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG CÒN HẠN CHẾ

- Phần lớn lượng vốn được huy động vào lĩnh vực năng lượng sạch của Việt Nam trong thời kỳ phát triển mở rộng điện mặt trời năm 2019-2020 là từ các nguồn trong nước và trong khu vực. Cho đến nay, các nhà đầu tư và các đơn vị tài chính lớn bên ngoài khu vực chỉ hoạt động hạn chế do lo ngại về hiệu quả tài chính của hợp đồng mua bán điện mẫu.
- Xét về tiềm năng kinh tế, đầu tư tư nhân vào lĩnh vực hiệu quả năng lượng vẫn ở quy mô rất nhỏ. Thị trường ESCO vẫn còn non nớt và các công ty ESCO đang hoạt động phải đối mặt với nhiều thách thức trong tiếp cận vốn do nguồn lực tài chính chưa đủ mạnh và các ngân hàng thương mại trong nước đưa ra yêu cầu cao về tài sản thế chấp.
- Thị trường công trình xanh đang phát triển ở giai đoạn đầu nhưng đã có xu hướng tăng kể từ năm 2010. Đến cuối năm 2020 đã có tổng số 179 dự án được cấp chứng nhận xanh. Mặc dù đạt tiến độ như vậy song các công trình xanh chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong toàn bộ thị trường xây mới và cần có sự can thiệp liên tục vào thị trường để việc thiết kế công trình xanh trở thành xu thế chủ đạo.



HÌNH 3

Chứng nhận công trình xanh đã tăng đáng kể từ năm 2010.



Ghi chú: 000 Sq m = nghìn mét vuông; LOTUS = Hệ thống chứng nhận công trình xanh trong nước của Việt Nam do Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam xây dựng; LEED = hệ thống chứng nhận công trình xanh do Hội đồng Công trình Xanh Hoa Kỳ xây dựng; EDGE = Hệ thống chứng nhận công trình xanh của IFC

Nguồn: IFC

LOTUS ■
 LEED ■
 EDGE ■
 Tổng diện tích sàn ●

Việt Nam có mô hình quy hoạch từ trên xuống, tạo ra nhiều thách thức khi phải thích nghi với những xu hướng thay đổi nhanh chóng của ngành năng lượng. Để đưa ra định hướng phát triển ngành một cách tối ưu cần sự phối hợp hiệu quả hơn nữa giữa chính quyền trung ương và địa phương, tăng tính linh hoạt trong quá trình lập quy hoạch. Trong khi quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh đang có những bước tiến ổn định, cần tăng cường vai trò và tính độc lập của Cục Điều tiết Điện lực nhằm đảm bảo giám sát hiệu quả. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có những bước tiến trong việc điều chỉnh các quy trình và vận hành hệ thống để tích hợp tỷ lệ ngày càng cao năng lượng tái tạo biến thiên, nhưng cần phải có kế hoạch linh hoạt hơn với một loạt các giải pháp kỹ thuật và dựa trên thị trường.

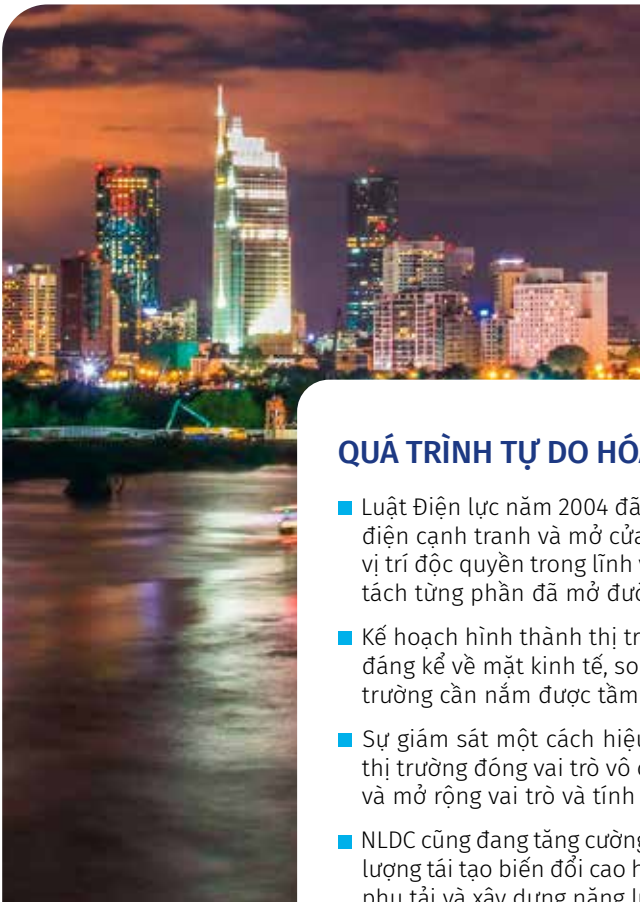
QUY HOẠCH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG

QUY HOẠCH NGÀNH ĐIỆN CÒN THIẾU LINH HOẠT

- Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu khí hậu đầy tham vọng thông qua Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và các chính sách quốc gia, ví dụ như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.
- Hoạt động quy hoạch và quản lý ngành năng lượng sạch của Việt Nam có cấu trúc phức tạp, cần sự tham gia của nhiều cơ quan chính phủ. Mặc dù Luật Quy hoạch mới đã đưa ra cấu trúc nhất quán cho việc thống nhất và phối hợp chính sách, việc sửa đổi các quy hoạch tổng thể theo định hướng chính sách vẫn diễn ra rất chậm.
- Vấn đề phát triển năng lượng sạch và bền vững được ưu tiên trong Nghị quyết 55 định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia và Dự thảo Quy hoạch Điện VIII, khi được thông qua sẽ định hình chiến lược phát triển ngành điện đến năm 2030.
- Quy hoạch Điện VIII sẽ có thời hạn 10 năm với chu kỳ rà soát điều chỉnh là 5 năm. Trong bối cảnh ngành năng lượng sạch đang có những thay đổi nhanh chóng, việc thiếu tính linh hoạt trong quy hoạch làm dấy lên lo ngại về khả năng đảm bảo phát triển ngành với chi phí tối ưu.
- Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm III (VNEEP III) và việc đưa hiệu quả năng lượng vào Quy hoạch Điện VIII đã công nhận những lợi ích kinh tế mà việc sử dụng hiệu quả năng lượng có thể mang lại khi tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện hàng năm dự kiến đạt 9,1% trong giai đoạn 2021-2025 và 7,9% trong giai đoạn 2026-2030.

QUÁ TRÌNH TỰ DO HÓA TỪNG PHẦN NGÀNH ĐIỆN VẪN ĐANG TIẾP DIỄN

- Luật Điện lực năm 2004 đã chính thức xác nhận Việt Nam đã có kế hoạch tiến tới thị trường điện cạnh tranh và mở cửa phân ngành phát điện cho đầu tư tư nhân. Mặc dù EVN vẫn giữ vị trí độc quyền trong lĩnh vực vận hành hệ thống, truyền tải, phân phối và bán lẻ, việc phân tách từng phần đã mở đường cho quá trình tự do hóa sâu rộng hơn.
- Kế hoạch hình thành thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh có thể mang lại lợi ích đáng kể về mặt kinh tế, song quá trình thực hiện sẽ rất phức tạp và các đơn vị tham gia thị trường cần nắm được tầm nhìn dài hạn để tạo niềm tin đầu tư.
- Sự giám sát một cách hiệu quả của Cục Điều tiết Điện lực Việt Nam đối với vận hành của thị trường đóng vai trò vô cùng quan trọng. Khi thị trường điện phát triển, cần phải củng cố và mở rộng vai trò và tính độc lập của ERAV.
- NLDC cũng đang tăng cường khả năng vận hành hệ thống trong điều kiện tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo biến đổi cao hơn, bao gồm áp dụng các chu kỳ điều độ 30 phút, cải thiện dự báo phụ tải và xây dựng năng lực dự báo sản lượng điện phát từ nguồn gió và điện mặt trời.





CÁC GIẢI PHÁP KỸ THUẬT VÀ DỰA TRÊN NGUYÊN TẮC THỊ TRƯỜNG NHẪM TĂNG CƯỜNG TÍNH LINH HOẠT CHO HỆ THỐNG

- Sản lượng điện từ nhiệt điện than vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong QHĐ VIII, mặc dù đã thấp hơn nhiều so với QHĐ trước đây. Công suất bổ sung từ năng lượng tái tạo theo quy hoạch đến năm 2030 vẫn rất hạn chế. Dù sự suy giảm tốc độ phát triển thị trường đã nằm trong dự tính, quy mô điều chỉnh công suất bổ sung theo bản dự thảo này vẫn sẽ gây ngưng trệ chuỗi cung ứng, giảm lượng việc làm xanh và giảm niềm tin của nhà đầu tư.
- Tỷ trọng ngày càng tăng nguồn năng lượng tái tạo biến thiên có tác động quan trọng tới cách lập quy hoạch và vận hành hệ thống điện. Theo Dự thảo QHĐ VIII, nguồn phát điện từ năng lượng tái tạo biến thiên sẽ chiếm tới gần 40% tổng công suất lắp đặt đến năm 2045.
- Những giải pháp thay thế “không dây” như các nguồn năng lượng phân tán, quản lý phía nhu cầu, các công nghệ lưu trữ đa dạng có thể hỗ trợ phát điện năng lượng tái tạo với chi phí thấp hơn các biện pháp nâng cấp cơ sở hạ tầng truyền tải. Vì vậy, quá trình lập quy hoạch cần được cập nhật kịp thời để cân nhắc đầy đủ chi phí và lợi ích của các giải pháp thay thế.
- Tới năm 2035, 50% sản lượng điện sẽ phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu, so với mức 15% trong năm 2021. Khả năng giảm thiểu rủi ro do biến động giá nhiên liệu của các đơn vị phát điện sẽ phụ thuộc nhiều vào những cải tiến về điều khoản ký kết hợp đồng, trong đó có đảm bảo bao tiêu và tăng đáng kể biểu giá điện. Những rủi ro thực hiện liên quan đến khả năng chậm trễ triển khai dự án điện khí LNG sẽ là nguy cơ mới về về an ninh năng lượng khi quy mô xây dựng vào năm 2030 theo kế hoạch là rất lớn.

KHUYẾN NGHỊ

- Nâng cao năng lực điều độ hệ thống một cách hiệu quả của NLDC bằng cách áp dụng các biện pháp khuyến khích các nhà máy phát điện tái tạo đưa ra những dự báo chính xác và thường xuyên phục vụ công tác điều độ.
- Cải thiện tính độc lập của ERAV và đảm bảo Cục có đầy đủ nguồn lực thực hiện các chức năng cần thiết. Xem xét bổ sung thêm thẩm quyền lập kế hoạch và phê duyệt công trình truyền tải, cũng như các lĩnh vực khác có tác động đến chi phí hệ thống.
- Tăng tần suất sửa đổi Quy hoạch điện và đưa vào các cơ chế đảm bảo có được các điều chỉnh hiệu quả mang tính định hướng nhằm hỗ trợ phát triển ngành tối ưu và tiết kiệm chi phí.
- Xác định rõ ràng và lồng ghép các quy trình phối hợp giữa các cơ quan chính phủ và cấp tỉnh để hỗ trợ thực hiện QHĐ VIII hiệu quả và kịp thời, cũng như xây dựng các kế hoạch và cập nhật hàng năm/hai năm một lần.
- Tiến hành đánh giá chiến lược các giải pháp thay thế không dây trong quá trình hoạch định cơ sở hạ tầng truyền tải, từ đó tránh được các khoản đầu tư tốn kém.

BẢNG 1

DỰ THẢO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII ĐẶT RA NHỮNG MỤC TIÊU DÀI HẠN VỀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

NGUỒN	Công suất lắp đặt	QHĐ VII điều chỉnh (2016)	QHĐ VIII dự thảo 1 (02/2021)		QHĐ VIII dự thảo điều chỉnh (09/2021)	
	2020	2030	2030	2045	2030	2045
Nhiệt điện than	22 077	55 477	37 323	49 918	40 649	50 699
Nhiệt điện khí + nhiệt điện dầu	8 977	19 016	28 871	66 504	27 471	61 933
Thủy điện (bao gồm cả thủy điện quy mô nhỏ) + Thủy điện tích năng	20 859	27 871	25 992	33 492	26 684	35 677
Điện gió	538	5 990	18 010	39 610	11 820	48 110
Điện mặt trời	17 126	11 765	18 640	55 090	18 640	51 540
Điện sinh khối và NLTT khác	325	3 444	3 150	5 310	1 170	5 250
Điện nhập khẩu	1 236	1 508	5 677	5 677	3 936	8 743
Điện hạt nhân	0	4 600	0	0	0	0
Tổng công suất lắp đặt	69 258	129 671	137 663	276 601	130 370	261 952

Ghi chú: giá trị thể hiện công suất tính bằng Megawatt
 Nguồn: Dự thảo QHĐ VIII (2021) của Bộ Công Thương



KHUNG PHÁP LÝ

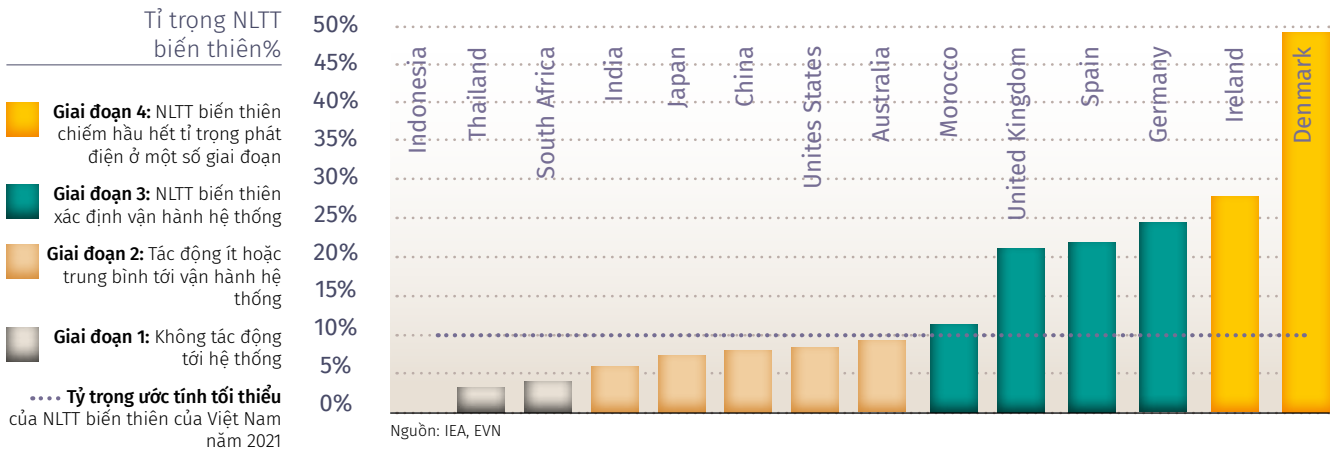
Trong 2 thập kỷ qua, chính sách năng lượng của Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể định hướng ngành nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn, áp dụng các nguyên tắc dựa trên thị trường, và gần đây là ưu tiên phát triển hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo ngoài thủy điện. Chính phủ Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến đáng biểu dương trong việc triển khai khung pháp lý nhằm đạt được các mục tiêu chính sách này. Chính phủ cần tiếp tục tăng cường thực hiện những cải cách này theo một quy trình minh bạch, có tham vấn để đảm bảo khung pháp lý phát triển giải quyết được những thách thức mới xuất hiện cũng như các rào cản còn tồn tại trong thị trường. Cần đặc biệt tập trung xây dựng khung hỗ trợ để thu hút các nguồn vốn đa dạng nhằm thực hiện các mục tiêu triển khai trong QHD VIII và VNEEP III.

CÁC QUY ĐỊNH ƯU TIÊN MỚI PHỤC VỤ TÍCH HỢP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

- Việc phát triển nhanh chóng điện mặt trời (PV) trong giai đoạn 2019-2020 đã khiến tỷ trọng sản lượng năng lượng tái tạo biến thiên tăng nhanh và đạt mức 10% dự kiến của năm 2021. Xây dựng khung pháp lý quan trọng ưu tiên vận hành hệ thống với tỷ trọng năng lượng tái tạo biến thiên, trong đó có việc xây dựng quy định cập nhật về đấu nối.
- Môi trường pháp lý phải phát triển nhanh để đảm bảo củng cố các cơ chế ưu đãi và khung hỗ trợ pháp lý phục vụ đấu thầu các dịch vụ cân bằng, cũng như linh hoạt nguồn cung và cầu tạo điều kiện cho quá trình chuyển dịch liên tục.

HÌNH 4

Sản lượng năng lượng tái tạo biến thiên của Việt Nam đã tăng đến quy mô của thị trường phát triển



Giai đoạn 4: NLTT biến thiên chiếm hầu hết tỷ trọng phát điện ở một số giai đoạn
Giai đoạn 3: NLTT biến thiên xác định vận hành hệ thống
Giai đoạn 2: Tác động ít hoặc trung bình tới vận hành hệ thống
Giai đoạn 1: Không tác động tới hệ thống
 Tỷ trọng ước tính tối thiểu của NLTT biến thiên của Việt Nam năm 2021

CHUYỂN DỊCH SANG CƠ CHẾ ĐẤU THẦU

- Chính phủ đang có kế hoạch chuyển dịch từ cơ chế giá FIT sang cơ chế đấu thầu. Việc giá FIT điện mặt trời đã hết hạn vào tháng 12/2020 và điện gió theo kế hoạch hết hạn vào tháng 11/2021 sẽ tiếp tục để lại một khoảng trống trong khung pháp lý vì hiện các thông tin chi tiết về cơ chế đấu thầu trong tương lai vẫn chưa rõ ràng.
- Những thay đổi đột ngột của cơ chế chính sách hỗ trợ có thể gây ra nhiều tác động tiêu cực cho ngành điện, chuỗi cung ứng địa phương, niềm tin của nhà đầu tư và cơ hội việc làm tại địa phương, cuối cùng có thể gây ngưng trệ đã giảm chi phí của năng lượng tái tạo.
- Mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí thông qua đấu thầu cạnh tranh đòi hỏi phải giảm đáng kể hoặc phân bổ hợp lý rủi ro giữa các bên tham gia hợp đồng và các bên liên quan khác. Hợp đồng mua bán điện mẫu còn tồn đọng một vài khía cạnh không đáp ứng được các yêu cầu về khả năng được cấp vốn quốc tế, do đó có thể làm tăng chi phí vốn.
- Cần phải có một khung pháp lý vững chắc khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo vì nhu cầu phi carbon hóa chuỗi cung ứng sẽ ngày càng tăng. Việc thí điểm Hợp đồng mua bán điện trực tiếp dự kiến vào năm 2022 sẽ là hoạt động quan trọng nhằm hỗ trợ triển khai và mở rộng quy mô.



CẦN CÓ THÊM NHIỀU BIỆN PHÁP NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

- Việt Nam đã tiến hành các bước quan trọng để thực hiện khung pháp lý và quy định để thúc đẩy sử dụng năng lượng hiệu quả trong giai đoạn I & II của VNEEP (2006-2015). Có thể kể đến việc thông qua luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, mức tiêu thụ năng lượng tối thiểu (MEPS) và dán nhãn năng lượng, mục tiêu tiêu thụ năng lượng bắt buộc theo các tiểu ngành, nghĩa vụ kiểm toán năng lượng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình hiệu quả năng lượng.
- Giai đoạn III của VNEEP (2019-2030) là cơ hội nâng cao năng lực giám sát và thực thi ở cấp tỉnh, đánh giá hiệu quả chính sách và tăng cường quy định để bắt kịp với điều kiện thị trường.
- Cho đến nay, việc áp dụng các mô hình kinh doanh theo hợp đồng hiệu quả năng lượng (EPC) vẫn còn hạn chế. Mặc dù không có rào cản pháp lý nào hạn chế các hợp đồng EPC giữa hai doanh nghiệp tư nhân, song việc thiếu nhận thức và còn xa lạ với hợp đồng EPC tạo ra các rào cản và chu kỳ phát triển kinh doanh kéo dài. Việc hình thành một khung pháp lý chuyên biệt sẽ giúp ích rất nhiều trong việc xây dựng niềm tin của thị trường.



KHUYẾN NGHỊ

- Cần tăng cường khung pháp lý để cải thiện hoạt động đấu thầu các dịch vụ phụ trợ. Việc đấu thầu các dịch vụ phụ trợ cho tương lai có thể đáp ứng các nhu cầu thay đổi hệ thống với chi phí thấp nhất bằng cách cho phép tất cả các giải pháp kỹ thuật cạnh tranh trên một sân chơi bình đẳng.
- Cần giải quyết những vướng mắc chưa rõ ràng về quy định liên quan đến cơ chế đấu thầu NLTT để tạo niềm tin trong trung và dài hạn cho danh mục các dự án của các nhà đầu tư và đơn vị mới tham gia thị trường.
- Cần tiến hành rà soát các điều khoản của Hợp đồng mua bán điện đối với các đơn vị phát điện năng lượng tái tạo độc lập để đảm bảo giảm thiểu rủi ro một cách hợp lý và chia sẻ tối ưu các rủi ro còn lại giữa nhà thầu và các bên liên quan trong ngành.
- Trong thời gian tới, cần ưu tiên thiết lập khung pháp lý hiệu quả cho các doanh nghiệp phù hợp với xu hướng toàn cầu về phi carbon hóa chuỗi cung ứng. Về mục tiêu này, việc thực hiện thí điểm Hợp đồng mua bán điện trực tiếp đóng vai trò quan trọng để đảm bảo giải quyết được những khó khăn trong quá trình triển khai trước khi mở rộng quy mô.
- Cần củng cố các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng tối thiểu và dán nhãn tại Việt Nam để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi thị trường.
- Xây dựng khung pháp lý để tạo dựng niềm tin của thị trường đối với hợp đồng hiệu quả năng lượng (EPC). Khung pháp lý này cần bao gồm các thủ tục kế toán, các ưu đãi, mua sắm công và lập kế hoạch ngân sách công, hướng dẫn khoản vay EPC và các thủ tục giải quyết tranh chấp.

NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ NHU CẦU ĐIỆN CỦA BROOKLYN QUEENS (BQDM)


Năm 2014, Công ty Hợp nhất Edison (gọi tắt là Con Edison), một công ty điện lực ở New York, ước tính nhu cầu sử dụng điện năm 2018 sẽ vượt quá quy mô công suất phân phối, với các hạng mục nâng cấp cần thiết tiêu tốn 1 tỷ USD. Để thay thế, cơ quan quản lý là Ủy ban Dịch vụ Công New York (PSC) đã yêu cầu Con Edison nghiên cứu "các giải pháp thay thế không dây", thiết lập "chương trình BQDM" nhằm giảm 69 MW nhu cầu điện lúc cao điểm bằng giải pháp tiết kiệm từ phía khách hàng, nguồn phát điện phân tán và tối ưu hóa điện áp.

PSC đã đưa ra nhiều ưu đãi để khuyến khích công ty điện lực này đề xuất đầy đủ các giải pháp, sử dụng nhà cung cấp bên thứ ba có hiệu quả về kinh tế. Con Edison đạt được tỷ lệ hoàn vốn ngày càng tăng dựa trên hiệu suất. Cơ chế chia sẻ phần tiết kiệm cũng cho phép Con Edison kiếm được 30% lợi ích ròng tích lũy. Do đạt được thành công và hiệu quả về chi phí, chương trình BQDM đã được gia hạn sau năm 2018 với ngân sách chưa dùng đến của chương trình. "Các giải pháp thay thế không dây" có thể mang lại nhiều lợi ích tương tự như đầu tư vào truyền tải và phân phối với chi phí thấp hơn, đồng thời hỗ trợ tích hợp NLTT biến thiên. Việc đưa toàn bộ các "giải pháp thay thế không dây" vào quá trình lập quy hoạch tại Việt Nam và tăng cường các biện pháp ưu đãi phi công nghệ để mở rộng quy mô các hoạt động thí điểm hiện có của Việt Nam như thí điểm Quản lý nhu cầu điện có thể giúp đạt được mục tiêu về tiết kiệm chi phí.

CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ ĐƯỢC TRUNG QUỐC ÁP DỤNG ĐỂ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ESCO

Trong 2 thập kỷ vừa qua, thị trường Công ty Dịch vụ Năng lượng (ESCO) ở Trung Quốc đã tăng trưởng đáng kể và trở thành thị trường hàng đầu trên toàn cầu, chiếm 59% doanh thu các ESCO trong năm 2017. Những mục tiêu dài hạn mà Trung Quốc đặt ra cho ngành công nghiệp trong khuôn khổ các chương trình Top 1.000 và Top 10.000 kể từ năm 2005 đã thực sự kích hoạt thành công thị trường dịch vụ năng lượng. Sau đó, chính sách xây dựng thị trường này được bổ sung một loạt các quy định thúc đẩy tăng trưởng của ESCO và hợp đồng hiệu suất năng lượng (EPC). Những năm qua, đã có nhiều quy định và hướng dẫn về ưu đãi về tài chính và thuế; quy tắc kế toán dành riêng cho hợp đồng EPC; hỗ trợ tiếp cận tài chính; cũng như các chứng nhận và tiêu chuẩn.


Một yếu tố quan trọng để kích hoạt sự phát triển thị trường ESCO là cải thiện khả năng tiếp cận tài chính, được Trung Quốc thực hiện bằng cách cung cấp vốn dành riêng cho các ngân hàng để cho vay lại, đồng thời tập trung vào việc điều chỉnh các quy trình bảo lãnh phát hành để tháo gỡ các rào cản đặc thù của ESCO. Việc để các ESCO sử dụng doanh thu trong tương lai của các dự án hợp đồng EPC để thế chấp là rất quan trọng và ít thấy trong các thị trường khác. Việc hỗ trợ ESCO xây dựng uy tín tín dụng theo cách này đã giúp các công ty này phát triển khả năng tài chính và hoạt động kinh doanh.



ĐẦU TƯ TƯ NHÂN VÀO CƠ SỞ HẠ TẦNG TRUYỀN TẢI - KINH NGHIỆM CỦA BRAZIL

Brazil đã huy động hơn 38 tỷ USD vốn tư nhân cho các dự án mở rộng hạ tầng truyền tải kể từ năm 1999. Mặc dù công ty truyền tải điện quốc doanh Eletrobras sở hữu phần lớn lưới điện truyền tải, nhưng các bên nhận nhượng quyền tư nhân đã gia nhập thành công vào lĩnh vực này. Mô hình Truyền tải điện độc lập (IPT) của Brazil sử dụng các cơ cấu ưu đãi để đảm bảo hiệu suất trong suốt vòng đời của dự án, ví dụ như hoàn thành dự án đường dây truyền tải đúng thời hạn và đảm bảo mức độ sẵn sàng cao cho lưới truyền tải theo hợp đồng, giảm đáng kể chi phí tổng thể.

Cơ chế đấu thầu cạnh tranh các hợp đồng nhượng quyền khai thác theo mô hình IPT có thể giúp Việt Nam đáp ứng nhu cầu lớn về đầu tư vào lưới điện được dự báo trong dự thảo QHĐ VIII. Ví dụ của Brazil cho thấy mô hình IPT có thể huy động thành công lượng vốn lớn để nâng cấp lưới điện, đồng thời sự góp mặt của nhiều chủ sở hữu trong hạ tầng truyền tải không nhất thiết làm ảnh hưởng đến hiệu suất của hệ thống truyền tải hay an ninh cấp điện.



TÍCH HỢP LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG VÀO THIẾT KẾ ĐẤU THẦU NLTT: BÀI HỌC TỪ CỘNG HÒA NAM PHI

Chương trình Đấu thầu phát điện độc lập từ năng lượng tái tạo Nam Phi (REIPPPP) đã thành lập một khung pháp lý nhằm khuyến khích các đơn vị sản xuất điện độc lập (IPP) từ năng lượng tái tạo mang lại lợi ích cho các cộng đồng xung quanh khu vực có dự án. Điều này được thực hiện thông qua quy trình đấu thầu cạnh tranh áp dụng tính điểm các tiêu chí phát triển kinh tế và xã hội, cũng như khuyến khích các IPP phân bổ một phần nhỏ doanh thu cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Trong giai đoạn 2011-2020, REIPPPP đã đấu thầu hơn 6.000 MW điện từ 112 dự án năng lượng gió và mặt trời, mang lại 82 triệu USD đầu tư cho các biện pháp phát triển kinh tế xã hội. Mặc dù khung đấu thầu cạnh tranh cho các dự án năng lượng tái tạo ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, REIPPPP có thể là một ví dụ về cách thức thiết kế các mô hình đấu thầu để cân bằng giữa khả năng được vay vốn và tính cạnh tranh về chi phí, trong khi vẫn mang lại lợi ích thực sự cho cộng đồng.



BÀI HỌC TỪ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU XANH CỦA INDONESIA

Indonesia là quốc gia đầu tiên phát hành trái phiếu xanh Green Sukuk (một loại trái phiếu Hồi giáo được sử dụng và tài trợ cho các dự án môi trường) của chính phủ vào năm 2018, huy động được 1,25 tỷ USD trên thị trường trái phiếu nước ngoài. Sau đợt phát hành đầu tiên, nước này tiếp tục phát hành trái phiếu vào các năm 2019, 2020 và huy động thêm 1,5 tỷ USD để tài trợ cho các dự án xanh bao gồm các dự án về sử dụng năng lượng hiệu quả và năng lượng tái tạo. Việc phát hành Green Sukuk trên thị trường toàn cầu trong năm 2020 đã đạt được những thành tựu đáng chú ý như đạt được mức trái tức thấp nhất cho kỳ hạn 5 năm, số lượng đăng ký vượt mức đạt 7,4 lần và thu hút được tỷ lệ Nhà đầu tư Xanh cao hơn.

Nhằm hỗ trợ sự phát triển của thị trường trái phiếu xanh, cơ quan dịch vụ tài chính Indonesia (OJK) đã ban hành Quy định số 60/2017 nêu rõ các điều kiện phát hành trái phiếu xanh tại thị trường trong nước. Quy định chỉ ra 11 lĩnh vực đủ điều kiện (bao gồm năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng) được coi là dự án xanh và phù hợp với Nguyên tắc Trái phiếu Xanh và Tiêu chuẩn Trái phiếu Xanh ASEAN do Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (Capital Market Association) ban hành. Các tổ chức phát hành cũng được yêu cầu báo cáo về việc sử dụng tiền bán trái phiếu, đồng thời những lợi ích môi trường do các dự án mang lại phải được báo cáo và xác nhận bởi một bên thứ ba độc lập.



Sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo đã thúc đẩy làn sóng sở hữu tư nhân trong phân ngành phát điện, nâng tỷ lệ sở hữu tư nhân về công suất lắp đặt tăng từ 20% trong năm 2018 lên 30% vào năm 2020. Việc hoàn thiện khung đấu thầu cạnh tranh các dự án năng lượng tái tạo trong thời gian tới, vận hành chính thức thị trường bán buôn điện cạnh tranh, tiếp tục cổ phần hóa các tổng công ty phát điện thuộc EVN và tách riêng Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (NLDC) sẽ là những cột mốc quan trọng thúc đẩy cạnh tranh công bằng và tiếp cận bình đẳng giữa đơn vị phát triển tư nhân và doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Trong thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã và đang thu hút thành công nguồn vốn FDI và hoạt động đầu tư vào năng lượng sạch sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hiện thực hóa tham vọng trở thành một trung tâm sản xuất hàng đầu trong các nền kinh tế ASEAN.

CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VÀ CẠNH TRANH

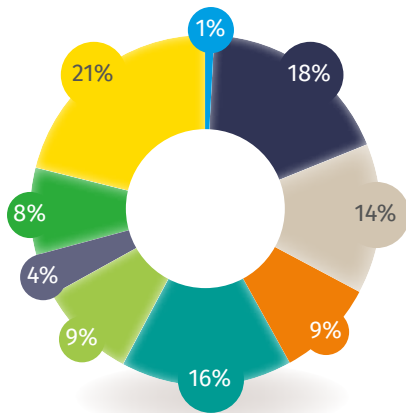
VIỆT NAM ĐANG TIẾN TỚI MỘT THỊ TRƯỜNG ĐIỆN CẠNH TRANH

- Hoạt động cải cách thị trường điện đã đạt được nhiều tiến triển, trong đó có tái cơ cấu EVN thành các công ty con nhằm từng bước tăng cường tính độc lập trong vận hành và tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thoái vốn các nhà máy phát điện không mang tính chiến lược.
- Một loạt các nhà máy phát điện năng lượng tái tạo tư nhân đã tham gia vào thị trường kể từ năm 2019. Tuy nhiên, sự hiện diện các DNNN trong phân ngành phát điện và vai trò chi phối của EVN ở tất cả các khâu của thị trường điện đang cản trở sự hình thành một sân chơi bình đẳng cần thiết nhằm thực hiện chương trình tự do hóa thị trường điện đã được xếp ưu tiên theo Luật Điện lực năm 2004 và Nghị quyết 55.
- Việc thành lập thị trường bán buôn điện cạnh tranh là cột mốc tiếp theo trong quá trình cải cách thị trường điện Việt Nam. Trong bối cảnh công suất điện sản xuất từ năng lượng tái tạo biến thiên đang tăng dần, một thị trường được định hướng tốt, có tính thanh khoản cao có thể góp phần mang lại tính linh hoạt cho hệ thống và cắt giảm chi phí thông qua cơ chế cạnh tranh.
- Trong tương lai gần, Việt Nam sẽ chuyển đổi sang chương trình đấu thầu cạnh tranh có tổ chức đối với nguồn năng lượng tái tạo. Điều này có thể giúp giảm chi phí nếu hình thành được một sân chơi bình đẳng và giảm thiểu được các rủi ro chính của dự án, ví dụ như đơn giản hóa quy trình thu hồi đất và giải phóng mặt bằng.
- Luật đối tác công tư (PPP) cập nhật của Việt Nam có thể sẽ là khung pháp lý quan trọng về đấu thầu cho các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn hơn, ví dụ như ở lĩnh vực điện gió ngoài khơi, trong đó các điều khoản hợp đồng có thể thương thảo giúp tăng thêm tính đảm bảo cho các nhà đầu tư. Dù vậy, tính bất trắc về việc áp dụng các chính sách bảo lãnh chính phủ; mức trần bảo đảm khả năng quy đổi ngoại tệ giới hạn ở 30%; quy định hợp đồng phải được điều chỉnh theo luật pháp Việt Nam sẽ vẫn là vấn đề và có thể là một nguồn rủi ro cho quá trình triển khai QHĐ VIII.

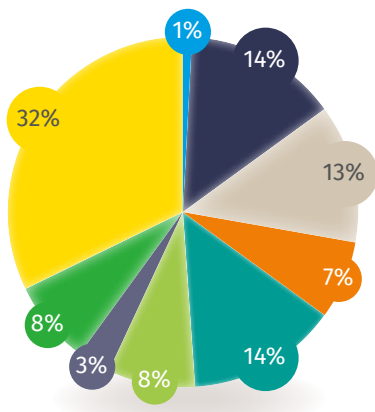
HÌNH 5

Việc khai thác nguồn năng lượng tái tạo đang thúc đẩy tăng tỷ lệ các nguồn đầu tư tư nhân.

2018



2020



Ghi chú: không bao gồm điện mặt trời áp mái; GENCO = Tổng công ty phát điện độc lập thuộc EVN; PVN = Petrovietnam, tập đoàn dầu khí quốc doanh; Nhà máy điện BOT = nhà máy theo hình thức 'xây dựng-kinh doanh-chuyển giao' được đấu thầu theo luật đối tác công tư của Việt Nam; IPP = đơn vị sản xuất điện độc lập

Nguồn: VIET (2020) Vai trò quản lý nhà nước trong ngành điện

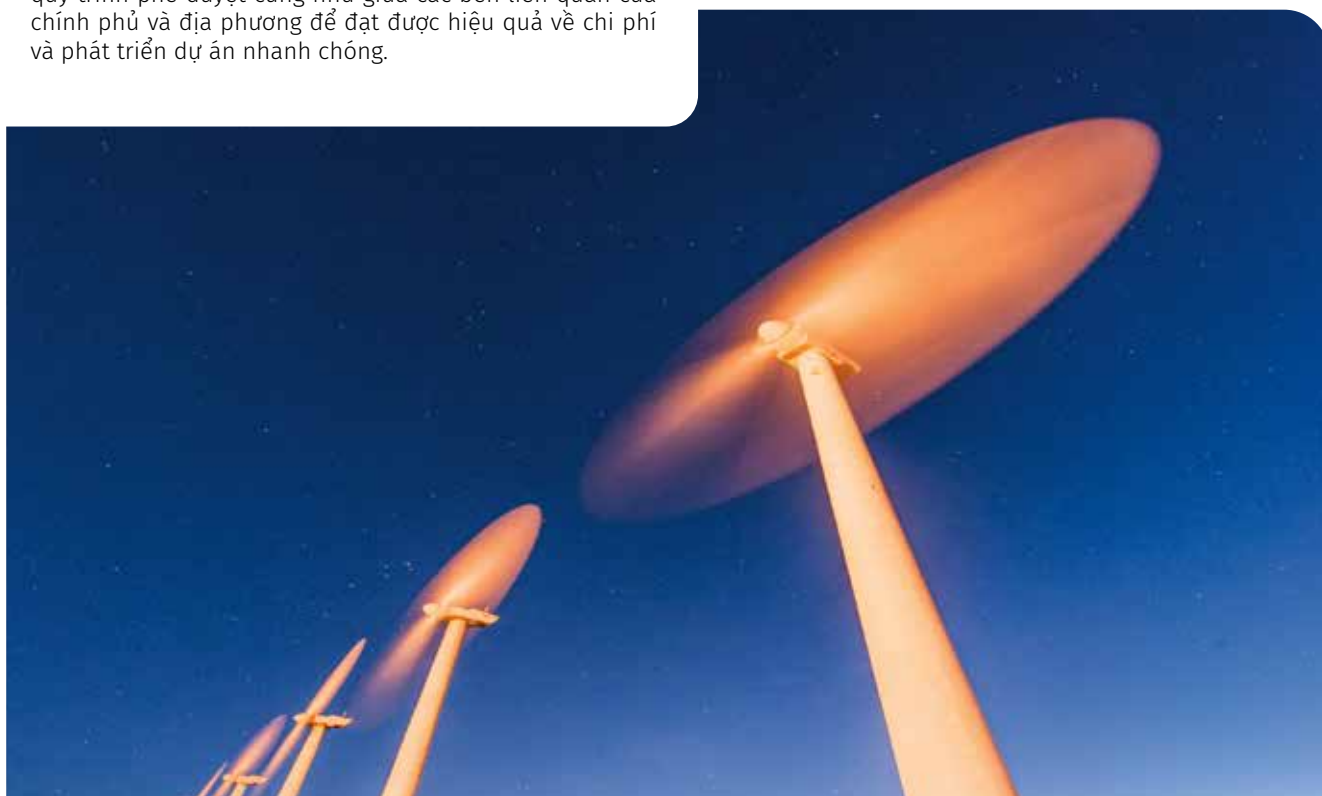


VẪN CÒN NHỮNG TRỞ NGẠI KHÁC TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

- Mặc dù có ít hạn chế trong thu hút FDI, giai đoạn đầu của việc triển khai năng lượng tái tạo chủ yếu được phát triển và tài trợ bởi các tập đoàn hàng đầu của Việt Nam cũng như các đơn vị phát triển lớn của ASEAN. FDI từ các nước thuộc tổ chức OECD đã bị hạn chế do nhận thức rủi ro theo ngành, thiếu sự bảo vệ trong hợp đồng mua bán điện mẫu và thiếu niềm tin vào trọng tài trong nước.
- Việc giải quyết tranh chấp và phân xử theo hợp đồng mua bán điện mẫu được luật pháp Việt Nam quản lý, thông qua hoạt động hòa giải của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (EREA). Trong trường hợp EREA không giải quyết được, sự vụ sẽ được chuyển lên Cục Điều tiết Điện lực (ERAV), có thể khiếu nại tại các tòa án Việt Nam. Điều quan trọng là cần tăng cường tính độc lập của ERAV để mang lại niềm tin cho các nhà đầu tư rằng các quyết định đưa ra là công bằng, khách quan và không có sự can thiệp chính trị.
- Việc sử dụng đất thông qua việc mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) gây ra rủi ro đối với cả các dự án truyền tải và dự án nguồn năng lượng tái tạo, do các quy trình phê duyệt phức tạp cũng như hạn chế về quỹ đất. Cần phải cải thiện tính minh bạch và tính phối hợp giữa các quy trình phê duyệt cũng như giữa các bên liên quan của chính phủ và địa phương để đạt được hiệu quả về chi phí và phát triển dự án nhanh chóng.

KHUYẾN NGHỊ

- Đảm bảo thị trường bán buôn điện cạnh tranh có các ưu đãi cho hoạt động vận hành thân thiện với hệ thống bằng cách cung cấp các thông tin chính xác và rõ ràng về giá cho tất cả các bên tham gia với thị trường.
- Tăng cường tính độc lập của ERAV và xem xét việc yêu cầu phân xử như một thông lệ tiêu chuẩn cho các hợp đồng mua bán điện từ nguồn năng lượng tái tạo.
- Nâng cao tính độc lập của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia và xem xét lộ trình củng cố tính độc lập của EVNNPT và tách bạch các hoạt động mang tính phân bổ và cạnh tranh.
- Xem xét sửa đổi khung pháp lý để cho phép tư nhân tham gia vào phân ngành truyền tải thông qua đấu thầu cạnh tranh và các thỏa thuận tiếp cận có khả năng được cấp vốn.
- Thiết lập các hướng dẫn về đấu thầu cạnh tranh về năng lượng tái tạo để thúc đẩy tạo một sân chơi bình đẳng và giải quyết các rủi ro phát triển liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ.





XÚC TIẾN VÀ TẠO THUẬN LỢI ĐẦU TƯ

Các hoạt động mạnh mẽ để giảm trợ cấp trực tiếp cho nhiên liệu hóa thạch cùng với các kế hoạch phát triển thị trường carbon trong nước sẽ giúp đảm bảo nguồn vốn được hướng đến các dự án giúp thúc đẩy tham vọng tăng trưởng xanh của đất nước. Việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp mang lại những ưu đãi quan trọng cho các nhà đầu tư năng lượng sạch. Môi trường kinh doanh có thể được cải thiện, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư nước ngoài chưa quen với môi trường pháp lý và quy định của Việt Nam. Do cấu trúc quản lý phi tập trung của Việt Nam, các đơn vị phát triển dự án năng lượng tái tạo phải liên hệ với nhiều bên của các cơ quan khác nhau trong khi việc thực hiện luật và quy định trong nước không phải lúc nào cũng đồng nhất giữa các tỉnh.

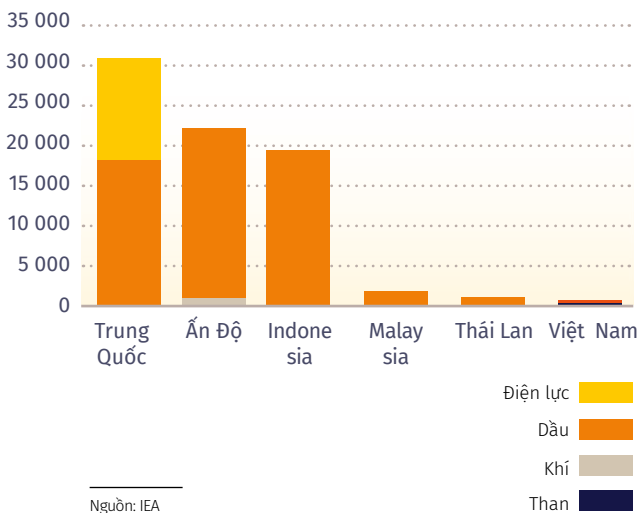
TĂNG CƯỜNG SỞ CỬ ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG SẠCH

- Việt Nam đã có những hành động mạnh mẽ để giảm hỗ trợ trực tiếp cho nhiên liệu hóa thạch và ưu tiên các cơ chế thị trường để định giá các sản phẩm năng lượng. Biểu giá điện bán lẻ vẫn được quy định về mặt hành chính nhưng đã có các cải cách để cải thiện tính minh bạch và chuyển dịch biểu giá tiệm cận mức phản ánh đúng chi phí. Có thể cân nhắc việc tăng biểu giá điện nhằm duy trì lợi nhuận cho EVN và thúc đẩy nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và nguồn đầu tư.
- Việt Nam là một trong số ít quốc gia trong khu vực có thuế môi trường và nguồn thu từ thuế được chuyển sang nguồn vốn ưu đãi hỗ trợ các dự án năng lượng sạch và bù đắp phần một phần chi phí mua điện từ giá FIT. Việc thiết lập một thị trường carbon trong quy hoạch (hiện đang ở giai đoạn sơ khai) sẽ mang lại các lợi ích kinh tế cho dự án năng lượng sạch, nhưng cần phải được thiết kế cẩn thận để đảm bảo các tín hiệu về giá có thể định hình các quyết định đầu tư trong lĩnh vực năng lượng.
- Các chính sách như ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), miễn thuế nhập khẩu và cho thuê đất ở một số địa phương đã thúc đẩy đầu tư năng lượng tái tạo. Hiện cũng đã có các chính sách ưu đãi dành cho đơn vị sản xuất đồ dùng tiết kiệm năng lượng, tuy nhiên các chính sách này lại không áp dụng cho các đơn vị đầu tư vào cơ sở hạ tầng và thiết bị tiết kiệm năng lượng. Các ưu đãi cho các công trình xanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiệu quả và hoạt động nâng cấp sẽ là động lực quan trọng để phát triển thị trường sử dụng năng lượng hiệu quả.

HÌNH 6

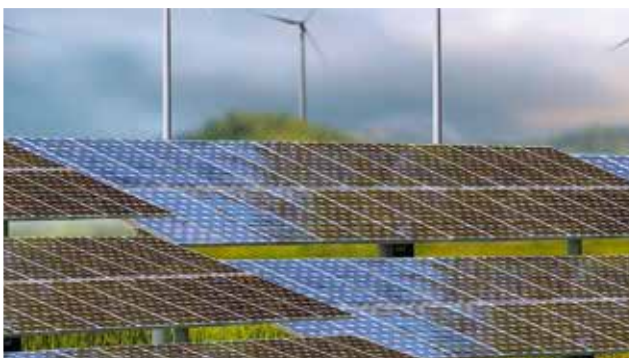
Mức độ trợ cấp cho nhiên liệu hóa thạch ở một số quốc gia tiêu biểu

Triệu USD 2019



CẢI THIỆN “MÔI TRƯỜNG KINH DOANH”

- Các thủ tục hành chính cho các dự án năng lượng tái tạo buộc các đơn vị phát triển phải liên hệ với nhiều cơ quan công quyền trong khi việc áp dụng luật và quy định hiện hành được ghi nhận là không thống nhất giữa các cơ quan cấp tỉnh. Hiện vẫn chưa có các hướng dẫn chi tiết, cập nhật dành cho nhà đầu tư. Khi chuyển đổi sang cơ chế đấu thầu được tinh giản hợp lý để giảm chi phí.
- Khi xin phê duyệt ưu đãi thuế, các đơn vị thường phải trao đổi rất nhiều với cơ quan thuế và các thủ tục về thuế thường tốn nhiều thời gian. Xếp hạng “Môi trường Kinh doanh” (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới kết luận rằng trung bình các doanh nghiệp (tại Việt Nam) cần 384 giờ mỗi năm cho các thủ tục hành chính về thuế so với mức trung bình của khu vực là 178 giờ.





NHÀ NƯỚC CẦN ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG HƠN TRONG VIỆC TẠO ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ CHO HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG

- Các chương trình nâng cấp hạ tầng năng lượng khu vực công có thể là động lực tích cực trong phát triển thị trường sử dụng năng lượng hiệu quả với tiềm năng danh mục nhiều dự án cũng như khả năng thử nghiệm và mở rộng các mô hình kinh doanh mới, ví dụ như cơ chế hợp đồng hiệu suất năng lượng. Trong lĩnh vực này, cho đến nay vẫn chưa có nhiều hoạt động quy mô lớn.
- Do cơ chế phân cấp tài khóa, các tỉnh, thành phố đang đóng vai trò chính trong việc thúc đẩy chương trình hiệu quả năng lượng khu vực công. Điều này gây khó khăn trong việc tổng hợp dự án do hoạt động đầu tư và trách nhiệm quản lý các cơ sở công còn phân tán.
- Việc thành lập một cơ quan cấp trung ương có khả năng điều phối hoạt động kết hợp dự án, hỗ trợ lập, đấu thầu, và tài trợ các dự án hiệu quả năng lượng khu vực công có thể giúp đạt được lợi thế kinh tế nhờ quy mô, đảm bảo chất lượng cao về thiết kế, tiêu chuẩn hóa và cải thiện hoạt động giám sát dự án. Cơ quan này sẽ là một động lực quan trọng cho sự phát triển thị trường các Công ty Dịch vụ Năng lượng (ESCO) và cần được giao nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ thực hiện hợp đồng cho các ESCO của khu vực tư nhân.

KHUYẾN NGHỊ

- Xây dựng một lộ trình rõ ràng để chuyển dịch sang cơ cấu biểu giá điện được tính toán đầy đủ các chi phí nhằm cung cấp định hướng dài hạn cho người tiêu dùng để có thể thích ứng với việc tăng biểu giá, đồng thời đưa ra tín hiệu thị trường nhằm thúc đẩy đầu tư hiệu quả năng lượng.
- Thiết kế và lồng ghép kế hoạch phát triển thị trường carbon vào lộ trình cải cách thị trường điện tổng thể để đảm bảo các thông tin về giá được phổ biến một cách hiệu quả đến các bên tham gia thị trường điện và thúc đẩy lựa chọn quyết định đầu tư.
- Ưu tiên xây dựng các biện pháp khuyến khích phía cầu dành cho các nhà đầu tư vào thiết bị, cơ sở hạ tầng tiết kiệm năng lượng và công trình xanh.
- Tinh giản các quy trình cấp phép dự án nhằm giảm chi phí hành chính trong phát triển các dự án năng lượng tái tạo thông qua thiết lập một cơ quan đầu mối (hoặc văn phòng một cửa) làm kênh cần liên hệ duy nhất cho các đơn vị phát triển.
- Xem xét thành lập một cơ quan tập trung (một dạng của mô hình Super ESCO) có nhiệm vụ hỗ trợ các tỉnh phát triển các chương trình hiệu quả năng lượng. Cơ quan này sẽ đóng vai trò điều phối trong việc phân bổ các dự án chất lượng cao cho các ESCO tư nhân.





CHÍNH SÁCH THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

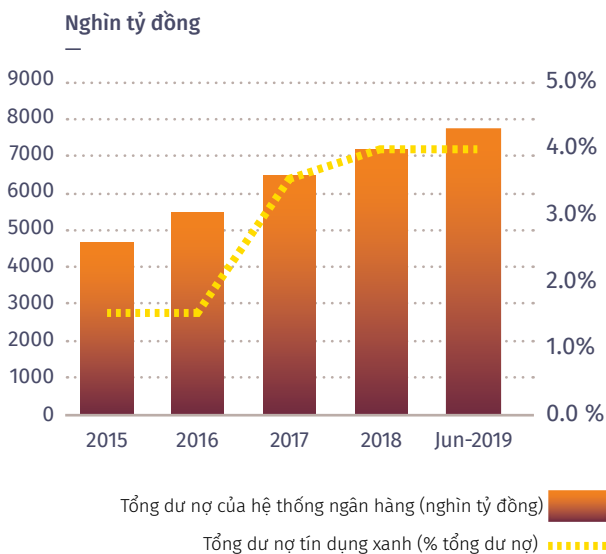
Việt Nam cần mở rộng quy mô tài chính cho quá trình chuyển dịch năng lượng sạch, bao gồm cả nguồn tài chính công và tư nhân trong nước và quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, cần tạo một hệ sinh thái tài chính năng lượng sạch từ các cơ quan chính phủ, thị trường tài chính, công nghiệp và hợp tác phát triển. Các chính sách trong đề án phát triển ngân hàng xanh do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) thực hiện là rất đáng biểu dương, đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện hỗ trợ tài chính trong nước cho các dự án năng lượng sạch. Quá trình mở rộng quy mô phát triển điện mặt trời ấn tượng ở Việt Nam phần lớn là do các ngân hàng trong nước và khu vực cấp vốn. Điều này báo hiệu một xu thế tích cực của các tổ chức tài chính trong nước và khu vực đối với sức hấp dẫn của các dự án năng lượng tái tạo và sự công nhận đối với nhu cầu tích hợp các cân nhắc về môi trường vào lĩnh vực tài chính.

QUY ĐỊNH TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO VIỆC CHO VAY VỐN TRONG NƯỚC ĐỂ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG SẠCH

- Ngân hàng Nhà nước đã có những nỗ lực khi có những chỉ đạo chính sách mạnh mẽ về định hướng xanh hóa trong lĩnh vực tài chính bằng cách yêu cầu các ngân hàng tích hợp quản lý rủi ro môi trường và xã hội (MT&XH) vào hoạt động cho vay.
- Một số ngân hàng Việt Nam cho biết họ sẽ không cấp vốn cho các nhà máy nhiệt điện than, hòa theo xu thế chung tất yếu của nhóm các tổ chức tài chính trên khắp thế giới đang ngày càng siết chặt cơ chế việc huy động vốn cho nhiệt điện than, thúc đẩy nhanh quá trình loại bỏ công nghệ sản xuất điện này.
- Những khó khăn ngày càng tăng trong việc tài trợ cho dự án nhiệt điện than cả trong nước và quốc tế cùng với việc nhu cầu điện ngày càng tăng cao đã và sẽ ngày càng củng cố sức hấp dẫn của việc đầu tư cho các dự án năng lượng tái tạo ở Việt Nam.
- Trong khi một số ngân hàng trong nước đã tích cực tài trợ các dự án năng lượng sạch thì một số ngân hàng khác vẫn chưa đủ năng lực kỹ thuật để thực hiện thẩm định dự án và cần hỗ trợ thêm để phát triển năng lực trong nước và giảm thiểu rủi ro.
- Con số thống kê từ cuối tháng 6 năm 2019 cho thấy các dự án năng lượng sạch chiếm 15% danh mục cho vay theo cơ chế ngân hàng xanh tại Việt Nam, lớn thứ hai sau đề án nông nghiệp xanh, vốn chiếm gần một nửa tổng dư nợ tín dụng xanh. Trong khi lượng vốn cho vay đối với các dự án xanh đã tăng gấp hơn 4 lần từ năm 2015 đến tháng 6 năm 2019, tín dụng xanh vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng khả năng cung cấp tín dụng tại Việt Nam, chỉ đạt hơn 4% vào tháng 6 năm 2019.

HÌNH 7

Cho vay theo cơ chế ngân hàng xanh đang tăng nhưng vẫn chỉ chiếm tỷ lệ tương đối nhỏ trên thị trường



Nguồn: NHNNVN

THIẾU KHẢ NĂNG TIẾP CẬN CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN SẼ KÌM HẸM TĂNG TRƯỞNG TRONG TƯƠNG LAI

- Việc mở rộng nhanh chóng hoạt động cho vay trong nước đối với các dự án năng lượng sạch cùng với môi trường thắt chặt quản lý an toàn vĩ mô và tình trạng thiếu khả năng tiếp cận các nguồn vốn dài hạn có thể làm hạn chế nguồn tín dụng từ các ngân hàng trong nước phục vụ cấp vốn cho giai đoạn triển khai tiếp theo.



- Cần có cơ chế tái cấp vốn để xoay vòng vốn từ các dự án đang hoạt động nhằm hỗ trợ những dự án đang trong giai đoạn thành lập hoặc thi công. Các chiến lược tái cấp vốn như vậy có thể giúp các tổ chức tài chính mới có được kinh nghiệm quý báu và tiếp xúc với các dự án năng lượng sạch, đồng thời thu hút nhiều vốn tư nhân hơn (cả trong nước và quốc tế) vào lĩnh vực này.
- Việt Nam có nhu cầu lớn về tài trợ vốn cho các dự án năng lượng sạch nhưng tình trạng thiếu khả năng tiếp cận nguồn vốn dài hạn với kỳ hạn nợ điển hình từ 5 đến 7 năm là thấp hơn nhiều so với kỳ hạn của các quốc gia thuộc OECD và một số nền kinh tế mới nổi lớn, thường có kỳ hạn nợ trên 15 đến 20 năm.
- Việc thiếu nguồn vốn tài trợ dự án miễn truy đòi, vốn là tiêu chuẩn trong các dự án năng lượng tái tạo lớn ở các nước OECD sẽ làm giới hạn năng lực huy động vốn của các đơn vị phát triển cá nhân với vốn tự có hạn chế.
- Yêu cầu tài sản thế chấp cao cũng đặt ra thách thức cho các đơn vị phát triển nhỏ hơn, bao gồm cả các công ty dịch vụ năng lượng đang thực hiện các dự án hiệu quả năng lượng, vì nguồn vốn hạn chế của họ thường được sử dụng hết chỉ sau một hoặc hai dự án.

CẦN NGUỒN VỐN QUỐC TẾ ĐỂ ĐÁP ỨNG NHU CẦU TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI

- Các tổ chức tài chính phát triển đóng vai trò quan trọng trong việc cấp vốn cho các dự án thủy điện, mở rộng mạng lưới truyền tải và phân phối điện cũng như các dự án hiệu quả năng lượng công nghiệp ở Việt Nam. Tuy nhiên, các tổ chức này hiện chỉ đóng một vai trò hạn chế trong việc cấp vốn cho các dự án điện mặt trời và điện gió do khu vực tài chính trong nước cho đến nay đã có đủ thanh khoản.
- Các vấn đề về thanh khoản có thể phát sinh khi Việt Nam hướng đến phát triển các dự án điện gió ngoài khơi, vốn thường đòi hỏi nguồn vốn trên 2-3 tỷ USD trong một dự án. Điều này vượt quá khả năng của thị trường trong nước và sẽ cần có liên kết quốc tế gồm các tổ chức tài chính phát triển và tài chính tư nhân để giải quyết các đặc điểm rủi ro của các dự án lớn.
- Các tổ chức cho vay quốc tế cũng nhận định rằng các điều kiện trong hợp đồng mua bán điện hiện tại là không khả thi để cấp vốn do nhận thức rủi ro cao liên quan đến yếu tố trọng tài và cắt giảm công suất. Các hợp đồng mua bán điện ở Việt Nam cũng không đạt tiêu chuẩn quốc tế như các hợp đồng ở Châu Âu hoặc các nước khác thuộc OECD, gây ra tính bất trắc và khó quản lý cho các tổ chức tài chính.

KHUYẾN NGHỊ

- Thực thi quy định rõ ràng về khung pháp lý trái phiếu xanh, bao gồm các điều kiện hợp lệ, các giao thức báo cáo và xác minh.
- Xây dựng giải pháp thúc đẩy các chương trình cho vay lại hoặc các cơ chế tài chính khác có thể tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính trong nước tiếp cận nguồn vốn dài hạn.
- Xem xét việc thành lập một quỹ năng lượng sạch để có thể hỗ trợ việc sử dụng các cơ cấu tài chính hỗn hợp nhằm huy động tài chính từ khu vực tư nhân cho các dự án năng lượng sạch.
- Xây dựng lộ trình tài chính bền vững trong đó nêu ra các yêu cầu then chốt đối với các tổ chức tài chính trong xây dựng kế hoạch hành động và báo cáo thường xuyên về việc điều chỉnh danh mục đầu tư theo các tiêu chí về phát triển bền vững và mức độ chịu tác động của biến đổi khí hậu.
- Cải thiện mức độ tiếp cận nguồn dữ liệu đầu tư và tài chính năng lượng sạch thông qua việc phát triển các công cụ giám sát và đánh giá.





HOẠT ĐỘNG XUYÊN SUỐT

Việt Nam cần nỗ lực đẩy nhanh tài trợ vốn và đầu tư vào năng lượng sạch với các chính sách hỗ trợ tập trung vào một số hoạt động xuyên suốt, bao gồm hội nhập khu vực, nghiên cứu và phát triển (R&D) và đổi mới sáng tạo, kiểm soát và tái chế chất thải điện tử, phát triển kỹ năng và nâng cao năng lực. Tất cả các hoạt động này đều rất quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển dịch năng lượng sạch của quốc gia.

KHUYẾN NGHỊ

- Đẩy nhanh công tác tích hợp lưới điện với mục tiêu thương mại hóa điện đa phương.
- Đưa ra hỗ trợ có trọng tâm trong việc đổi mới sáng tạo lĩnh vực năng lượng sạch để giảm chi phí sản xuất và hỗ trợ tạo giá trị trong nước.
- Lập kế hoạch và triển khai các biện pháp thúc đẩy phát triển ngành tái chế tấm quang điện trong nước, đúc kết từ kinh nghiệm của các thị trường đã phát triển.
- Thu thập dữ liệu phân tách theo giới về sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực năng lượng sạch để lồng ghép giới vào các nỗ lực giảm thiểu đồng thời hỗ trợ mạng lưới kinh doanh của phụ nữ.
- Xây dựng chiến lược tích hợp về giáo dục, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề cho ngành năng lượng sạch hoặc cho nền kinh tế xanh nói chung.
- Mở rộng các chương trình phát triển kỹ năng trong các cơ sở giáo dục nghề kỹ thuật và ngân hàng để phát triển các hệ thống quản lý môi trường và xã hội, cũng như hoạt động tài trợ vốn miễn truy đòi hoặc hạn chế truy đòi.

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TRONG KHU VỰC VÀ TÍCH HỢP HỆ THỐNG ĐIỆN

- Mua bán điện thông qua Lưới điện ASEAN có thể là một trong những giải pháp linh hoạt chủ chốt hỗ trợ tích hợp năng lượng tái tạo biến thiên và khai thác các nhà máy hiệu quả. Cần đẩy nhanh các điều kiện thuận lợi để chuyển sang hệ thống thương mại đa phương hoàn chỉnh.
- Khi các ngân hàng trong nước đạt được tiêu chuẩn Basel II, sẽ có cơ hội nhập thông qua Khung hội nhập ngân hàng ASEAN. Mở cửa cạnh tranh trong ngành có thể thúc đẩy hiệu quả ngành, chuyển giao công nghệ và chuyên môn, đầu tư vào bên trong và đa dạng hóa hình thức bảo lãnh cho khách hàng.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÓ TRỌNG TÂM VỀ NĂNG LƯỢNG SẠCH

- Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc xây dựng khung pháp lý để hỗ trợ đổi mới sáng tạo, đặc biệt là việc thống nhất các quyền sở hữu trí tuệ với các chuẩn mực quốc tế.
- Sự hỗ trợ của chính phủ đối với công tác nghiên cứu và phát triển năng lượng sạch có thể giảm chi phí sản xuất điện và tạo giá trị cho chuỗi sản xuất nội địa. Điều này đặc biệt phù hợp để áp dụng trong phát triển điện gió ngoài khơi, vốn có thể huy động các giải pháp kỹ thuật nội địa hóa.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

- Việt Nam là một trong những môi trường kinh doanh cởi mở nhất cho phụ nữ trong số các quốc gia cùng nhóm, nhưng vẫn tồn tại nhiều thách thức. Các Chỉ số Thống kê Quốc gia về phát triển giới có thể được mở rộng để tính đến mức độ tham gia của phụ nữ vào dự án năng lượng sạch và hoạt động cho vay tới các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo.
- Một số hiệp hội hỗ trợ các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo thông qua các cơ hội kết nối, cố vấn và đào tạo. Các mạng lưới chuyên hỗ trợ phụ nữ hoạt động trong lĩnh vực năng lượng sạch có thể giúp thúc đẩy đầu tư vào năng lượng sạch.

NÂNG CAO KỸ NĂNG VÀ CHUYỂN DỊCH CÔNG BẰNG XÃ HỘI

- Một lộ trình chuyển dịch năng lượng đảm bảo công bằng xã hội có thể tối đa hóa lợi ích kinh tế trong nước từ quá trình chuyển dịch năng lượng sạch đồng thời giảm tác động đến các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi bối cảnh ngành năng lượng đang thay đổi.
- Cần có kế hoạch dài hạn để xây dựng năng lực quản lý và tái chế các tấm quang điện ở cuối chu kỳ dự án nhằm tránh các tác động tiêu cực cho môi trường.
- Lập kế hoạch tổng thể để xây dựng kỹ năng kỹ thuật phù hợp trong các cơ sở đào tạo nghề và trong lĩnh vực tài chính để phát triển kỹ năng cho một nền kinh tế xanh.

TRUY CẬP TRANG WEB CEFIM

Vui lòng truy cập trang www.oecd.org/cefim để biết thêm thông tin chi tiết về các hoạt động và sự kiện của chương trình CEFIM. Trong đó bao gồm các trang về quốc gia tham gia chương trình CEFIM với dữ liệu tương tác và phân tích về xu hướng thị trường năng lượng sạch, quản trị, tài chính và đầu tư để mang lại cho các nhà đầu tư, đối tác phát triển, các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan thông tin thị trường về cơ hội đầu tư năng lượng sạch tại các quốc gia đối tác của CEFIM.

About our work



[Find out more](#) about our CEFIM programme activities to support countries in unlocking finances and investments for clean energy development.

Trang CEFIM **Việt Nam được xây dựng dựa** trên mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa OECD và Việt Nam, cung cấp các thông tin cô đọng về bối cảnh đầu tư và tài chính năng lượng sạch tại Việt Nam. Ngoài ra các dữ liệu được thể hiện dưới dạng tương tác và cung cấp thông tin cập nhật nhất về xu hướng và triển vọng thị trường, quản trị năng lượng, các điểm nổi bật về chính sách và hiện trạng tài chính bền vững cho năng lượng sạch ở Việt Nam. Ngoài ra, người đọc có thể xem các báo cáo tóm tắt và các bài thuyết trình từ các sự kiện đang triển khai trong nước của CEFIM.

Policy highlights

(Click to unselect) ● Cross Cutting ● Energy Efficiency ● Renewable Energy ● Sustainable Finance

<p>Investment Law 2007</p> <p>Indonesia Investment Board</p> <p>notably regulates the type of businesses that can be open to foreign investment.</p>	<p>Energy Law 2007</p> <p>National Energy Council</p> <p>mandates the government to establish the National Energy Policy and National Energy Plan.</p>	<p>Regulation on Energy Conservation 2009</p> <p>Ministry of Energy and Mineral Resources</p> <p>covers 4 main areas: supply and demand conservation action (including 5 000 tonnes of oil equivalent reporting obligation); standards and labelling; incentives and dis-incentives; and assistance and monitoring from the government.</p>	<p>Electricity Law 2009</p> <p>Ministry of Energy and Mineral Resources</p> <p>provides a legal framework for the electricity sector in Indonesia.</p>
---	---	--	---

This Policy Highlights is based on the OECD publication:

Clean Energy Finance and Investment Policy Review of Viet Nam.

Viet Nam has become a leading regional market for renewable energy in a short space of time led by private sector investment facilitated by favourable support mechanisms. Achieving the government's clean energy targets will require a strengthening of the investment environment to enable larger-scale projects and increased flows of international capital. Domestic banks and investors will continue to play an important role in Viet Nam's clean energy market, and this could be supported by improving access to long-term capital through accelerated capital market development. Investment in energy efficiency still faces barriers and further support for scalable business models, improving access to finance, and stimulating increased demand will be required.

The Clean Energy Finance and Investment Policy Review of Viet Nam aims to support Viet Nam achieve its ambitious clean energy targets. The review provides a comprehensive overview of the current policy framework in Viet Nam, highlighting successes and identifying areas that can be strengthened. It also contains a number of tailored recommendations for the Government of Viet Nam and development partners to mobilise private finance and investment for clean energy development.

CHI TIẾT LIÊN HỆ:

Trưởng nhóm CEFIM
Cecilia Tam
Cecilia.TAM@oecd.org

Điều phối chương trình
Brendan Coleman
Brendan.COLEMAN@oecd.org

www.oecd.org/cefm/vietnam

